

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày 27- 02 - 2018
“Về việc t/c HĐ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Vân
2. Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST-DS ngày 25/10/2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST- DS ngày 12/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Phường 1, Quận 5, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn Hoàng V; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; chức vụ: Trưởng phòng Hỗ trợ kinh doanh Chi nhánh T, theo văn bản ủy quyền ngày 16/08/2017. (có mặt)

Bị đơn: Ông Hồ Anh T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/08/2017 của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng TMCP S) và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 31/8/2016, Ngân hàng TMCP S cho vợ chồng ông Hồ Anh T, bà Nguyễn Thị Hồng P vay số tiền 2.150.000.000 (Hai tỷ một trăm năm mươi ngàn) đồng theo hợp đồng tín dụng số 656/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ký ngày 31/8/2016, mục đích vay để ông T thanh toán tiền mua xe ô tô cho Công ty CP TM DV A. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi

suất vay 9% năm trong 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay được áp dụng theo thông báo của Ngân hàng TMCP S, hiện tại lãi suất vay là 12,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Toàn bộ vốn vay và tiền lãi được phân kỳ để trả, mỗi tháng bên vay phải trả 35.840.000 đồng gốc vay, kỳ trả đầu tiên là ngày 15/10/2016 và kỳ cuối trả vào ngày 31/8/2021 theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL1-656/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ký ngày 31/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Hồ Anh T, bà Nguyễn Thị Hồng P.

Tài sản đảm bảo nợ vay là 02 xe ô tô tải nhãn hiệu INTERNATIONAL, biển kiểm soát 62C-073.04, 62C-073.86 và 02 sơ mi rơ mooc biển kiểm soát 62R-003.29, 62R-002.90, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký 02 xe ô tô và 02 sơ mi rơ mooc, theo hợp đồng thế chấp số 758/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 28/9/2016 được Văn phòng công chứng H thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện hợp đồng vay, ông T và bà P trả vốn và lãi theo phân kỳ, đến kỳ thứ 5 (tháng 2/2017) thì không trả đủ tiền như đã thỏa thuận và đến ngày 15/3/2017 Ngân hàng chuyển số tiền gốc vay chưa trả theo phân kỳ sang nợ quá hạn. Sau đó ông T và bà P chỉ thanh toán một phần nợ gốc với số tiền là 451.859.513 đồng. Do ông T và bà P không trả nợ đúng hạn mặc dù đã được ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nên Ngân hàng TMCP S đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P trả toàn bộ nợ vay là 1.921.587.829 đồng, gồm: nợ gốc là 1.698.140.487 đồng, nợ lãi trong hạn là 195.419.744 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 27/02/2018 là 12.281.102 đồng, tiền phạt chậm trả lãi tính đến hết ngày 27/02/2018 là 15.746.496 đồng. Đồng thời ông T và bà P phải trả tiền lãi, tiền phạt phát sinh kể từ ngày 28/02/2018 đến khi trả hết nợ theo mức lãi, lãi phạt thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Bảng kê rút vốn (kiêm kế ước nhận nợ). Trường hợp ông T và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải nhiều lần nhưng ông T và bà P đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại phiên tòa, không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, không chấp nhận yêu cầu trả tiền phạt chậm thanh toán lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S với ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm giao kết và thực hiện giao dịch dân sự Bộ luật dân sự năm 2005 quy định hợp đồng vay tài sản có khác so với Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng TMCP S đối với ông T và bà P thấy rằng: Vào ngày 31/8/2016, Ngân hàng TMCP S đã giải ngân cho ông T và bà P vay số tiền 2.150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 656/HĐTD/SCB-CNTĐ.16, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP S (SCB) vào từng thời điểm, bên vay chấp nhận mức lãi suất được điều chỉnh mà không cần phải ký phụ lục hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Theo bản kê rút vốn (kiêm khế ước nhận nợ) thì lãi suất vay trong 12 tháng đầu là 9%/năm. Cùng ngày 31/8/2016, Ngân hàng TMCP S với ông T và bà P ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL1-656/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 theo đó toàn bộ vốn vay và tiền lãi được phân kỳ để trả, mỗi tháng bên vay phải trả 35.840.000 đồng gốc vay và tiền lãi phát sinh, kỳ trả đầu tiên là ngày 15/10/2016 và kỳ cuối trả vào ngày 31/8/2021.

Thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông T và bà P có trả vốn và lãi đúng theo phân kỳ, đến kỳ thứ 5 (tháng 2/2017) thì không trả nợ đúng hạn nên từ ngày 15/3/2017, Ngân hàng chuyển số tiền gốc vay chưa trả theo phân kỳ sang nợ quá hạn và tính lãi phạt đối với tiền lãi không trả đúng theo kỳ. Ngày 31/8/2017, Ngân hàng TMCP S điều chỉnh lãi suất vay là 12,7%/năm. Tính đến ngày 27/02/2018, ông T và bà P chỉ trả được một phần nợ gốc là 451.859.513 đồng và 89.589.774 đồng tiền lãi, còn nợ gốc vay là 1.698.140.487 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Theo khoản 14.3 và 14.5 Điều 14 của Hợp đồng tín dụng quy định Ngân hàng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp: “*Bên vay có một hoặc một số khoản vay chuyển sang nợ quá hạn và có nguy cơ mất khả năng trả nợ theo nhận định của SCB*”; “*Bên vay hoặc bên thế chấp/cầm cố không trả nợ gốc, lãi vay, các chi phí khác có liên quan đúng hạn*”.

Theo khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng quy định: “*Đến kỳ hạn trả gốc và lãi đã thỏa thuận mà Bên vay hoặc Bên thế chấp/cầm cố không trả nợ đúng hạn và không được SCB chấp nhận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì SCB sẽ*

chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của hợp đồng này thành nợ quá hạn và thực hiện các biện pháp thu nợ theo quy định”.

Như vậy, ông T, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã được ngân hàng đơn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T và bà P không trả nợ đúng hạn. Vì vậy Ngân hàng TMCP S đã làm đơn khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ nợ vay là có cơ sở, phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng và các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về tiền lãi: Ngân hàng TMCP S với ông T, bà P đã thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Vì vậy ông T và bà P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền nợ lãi gồm tiền lãi trong hạn là 195.419.744 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/02/2018 là 12.281.102 đồng theo bản kê tính lãi của Ngân hàng TMCP S.

[3] Đối với tiền phạt chậm trả lãi, Ngân hàng TMCP S còn yêu cầu ông T và bà P thanh toán tính đến hết ngày 27/02/2018 là 15.746.496 đồng. Xét thấy, theo Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 không quy định việc tính lãi đối với tiền lãi chậm thanh toán. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này, khách hàng vay phải thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đòi ông T và bà P thanh toán tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 27/02/2018 với số tiền là 15.746.496 đồng.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 758/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 28/9/2016 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P thì tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ cho toàn bộ hợp đồng vay gồm 02 xe ô tô tải nhãn hiệu INTERNATIONAL biển kiểm soát 62C-073.04, 62C-073.86 và 02 sơ mi rơ mooc biển kiểm soát 62R-003.29, 62R-002.90, được Văn phòng công chứng H tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế

chấp tài sản có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Do đó, khi ông T và Phượng thực hiện xong nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP S phải hoàn trả cho bên thế chấp là ông T, bà P giấy tờ về tài sản thế chấp và yêu cầu cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm xoá đăng ký thế chấp theo quy định tại Điều 350 Bộ luật dân sự năm 2005. Trường hợp ông T và Phượng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điều 351, 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông T và bà P phải liên đới chịu án phí đối với phần yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, Ngân hàng TMCP S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của Ngân hàng không được chấp nhận. Cụ thể ông T và bà P phải liên đới chịu, Ngân hàng TMCP S phải chịu

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 350, 351, 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Hồ Anh T và Nguyễn Thị Hồng P .

Buộc ông Hồ Anh T và Nguyễn Thị Hồng P liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 656/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 là 1.905.841.333 đồng (Một tỷ chín trăm lẻ năm triệu tám trăm bốn mươi một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, tiền nợ gốc vay là 1.698.140.487 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 27/02/2018 là 207.700.846 đồng.

Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 1.698.140.487 đồng, ông Hồ Anh T và Nguyễn Thị Hồng P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn từ ngày 28/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (được điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng).

2. Khi ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P thực hiện xong nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP S phải hoàn trả cho ông T, bà P giấy tờ về tài sản thế chấp gồm 02 giấy đăng ký xe ô tô tải nhãn hiệu INTERNATIONAL biển kiểm soát 62C-073.04, 62C-073.86; 02 giấy đăng ký sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 62R-003.29 và 62R-002.90, đồng thời yêu cầu cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm là

Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh xoá đăng ký thế chấp.

Trường hợp ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp gồm 02 xe ô tô tải nhãn hiệu INTERNATIONAL biển kiểm soát 62C-073.04, 62C-073.86 và 02 sơ mi rơ mooc biển kiểm soát 62R-003.29, 62R-002.90 theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S đòi ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P trả khoản tiền lãi phạt do chậm trả lãi là 15.746.496 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng P phải liên đới chịu 69.175.000 đồng (Sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu 787.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.044.000 đồng theo biên lai thu số 0002456 ngày 20/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn thừa là 34.257.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

5. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Quốc Tiến

